

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 11/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lương.
2. Ông Lô Văn Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lang Thanh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà Vi Thị Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Cụt Thị B : Tên gọi khác: Không; sinh năm 1990, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản K, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa : Lớp 05/12; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cụt Văn H(Đã chết); con bà Vi Thị A; có chồng: Lang Văn D; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

2. Cụt Thị C : Tên gọi khác: Không; sinh năm 1973, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản K, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa : Lớp 05/12; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cụt Văn K (Đã chết); con bà Cụt Thị K; có chồng: Học Văn S và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T, Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị hại: Bà Cụt Thị C, sinh năm 1953; trú tại bản K, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 04/11/2018 Cụt Thị C đi tắm có để quên chiếc túi xách, bên trong có 04 chiếc nhẫn bằng vàng, 01 đôi khuyên tai bằng vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel Fami 12 và 9.022.000 đồng trên thành bể nước thuộc bản K, xã T, huyện Q. Cụt Thị B thấy chiếc túi xách để ở trên thành bể nước nên chạy về nói với Cụt Thị C là có ai quên chiếc túi xách. B và C đến lấy chiếc túi xách đưa về nhà B và hai người mở ra xem, thấy bên trong có tiền, vàng và điện thoại di động. B lấy chiếc điện thoại tháo Sim và đưa cho C cất giữ số tiền, vàng, điện thoại; B đem túi xách giấu vào trong va ly. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày bà Cụt Thị C đến gặp Cụt Thị B, Cụt Thị C hỏi có thấy túi xách, để cho bà xin, nhưng B, C nói không thấy. Khoảng 30 phút sau bà Cụt Thị C cùng với anh Vi Văn Huyền, công an viên bản K, xã T đến nhà Cụt Thị B xin lại số tài sản của bà Cụt Thị C, nhưng B và C trả lời không thấy. Đến sáng ngày 05/11/2018 Cụt Thị B đem chiếc túi xách đi vứt ở sông gần bản Phạm, xã T. Ngày 05/11/2018 bà Cụt Thị C viết đơn báo cáo sự việc với ban Công an xã T. Ngày 07/11/2018 tại ban Công an xã T Cụt Thị B và Cụt Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi sự việc và giao nộp toàn bộ vật chứng cho ban công an xã.

Bản kết luận giám định số 6441/C09(P4) ngày 30/11/2018 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an kết luận:

“01 (Một) chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, bên trong có chữ số KIM TUNG- 05 có khối lượng 1,87 gam; 01 (Một) chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, bên trong có chữ số KIM TUNG -10 có khối lượng 3,75 gam; 01 (Một) chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, bên trong có chữ số KIM TUNG -20 có khối lượng 7,5 gam; 01 chiếc nhẫn có mặt dẹt hình chữ nhật khắc hoa văn có khối lượng 1,87 gam; 01 đôi khuyên tai màu vàng có tổng khối lượng 3,75 gam đều làn vàng (Au), hàm lượng trung bình Au: 99,97%”.

Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận:

“- 01 (Một) chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, bên trong có chữ số KIM TUNG- 05 có khối lượng 1,87 gam có giá: 1.769.000 đồng.

- 01 (Một) chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, bên trong có chữ số KIM TUNG -10 có khối lượng 3,75 gam có giá: 3.538.000 đồng.

- 01 (Một) chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, bên trong có chữ số KIM TUNG -20 có khối lượng 7,5 gam có giá 7.076.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn có mặt dẹt hình chữ nhật khắc hoa văn có khối lượng 1,87 gam có giá 1.769.000 đồng.

- 01 đôi khuyên tai màu vàng có tổng khối lượng 3,75 gam có giá 3.538.000 đồng.
 - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel Fami 12 có giá 150.000 đồng.
- Tổng cộng: 17.840.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) ”

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cụ thể: Vào lúc 18 giờ, ngày 04/11/2018 tại bản K, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Cụt Thị B, Cụt Thị C đã bắt được chiếc túi bên trong có 04 chiếc nhẫn bằng vàng, 01 đôi khuyên bằng vàng, 01 chiếc điện thoại di động và 9.022.000 đồng. Sau đó bà Cụt Thị C đến yêu cầu trả lại, nhưng B và C không trả. Qua đấu tranh ngày 07/11/2018 B, C mới giao nộp số tài sản trên cho ban Công an xã T, huyện Q.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS- HS ngày 20/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng đã kết luận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 176; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cụt Thị B từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Cụt Thị C từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Người bào chữa không tranh luận về tội danh và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo Cụt Thị B và Cụt Thị C mỗi bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử, kiểm sát viên thực hiện quyền công tố, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào lúc 18 giờ, ngày 04/11/2018 tại bản K, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Cụt Thị B, Cụt Thị C đã bắt được chiếc túi của bà Cụt Thị C bên trong có

04 chiếc nhẫn bằng vàng, 01 đôi khuyên bằng vàng, 01 chiếc điện thoại di động và 9.022.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm giữ 26.862.000 đồng. Sau đó bà Cụt Thị C đến yêu cầu trả lại, nhưng B, C không trả. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; các bị cáo mong muốn biến tài sản của người khác thành tài sản của mình và cố tình không trả lại khi bà C yêu cầu trả. Do đó các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C đã phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét vai trò đồng phạm, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn xâm phạm trật tự an toàn xã hội, vi phạm đạo đức, lối sống, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở các huyện miền núi. Vì vậy cần xét xử nghiêm cho tương xứng với vai trò của từng bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng, nên chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đáp ứng được công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[4] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị xử phạt bị cáo Cụt Thị B và Cụt Thị C mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; người bào chữa đề nghị xử phạt bị các bị cáo Cụt Thị Bính và Cụt Thị C mỗi bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa là thấp so với số tiền các bị cáo chiếm giữ trái phép.

[5] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu gì nữa, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với 04 chiếc nhẫn bằng vàng, 01 đôi khuyên tai bằng vàng; 01 chiếc điện thoại di động và 9.022.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Cụt Thị C thuộc gia đình hộ nghèo, bị cáo Cụt Thị B thuộc diện hộ cận nghèo, nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Cụt Thị B, Cụt Thị C phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Cụt Thị B 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Cụt Thị C 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C.

Các bị cáo Cụt Thị B, Cụt Thị C, bị hại bà Cụt Thị C có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Q.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Công an huyện Q.
- Chi cục THA DS huyện Q.
- Trại tạm giam; trại giam.
- Sở tư pháp; UBND xã T.
- Lưu VP, THAHS, Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Công Phong